

Bản án số: 47/2019/DS-ST

Ngày: 16/12/2019.

V/v : "Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L - TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56b/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Phước Lộc, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị S** - sinh năm 1978. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Diệp Kim A** – sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24.4.2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L - trình bày:

Bà Nguyễn Thị L làm thủ dây huê xỏ ngày 25.6.2017 (âm lịch), mần ngày 25.01.2019 (âm lịch), gồm 21 phần, huê tháng 10.000.000 đồng, hốt chót 200.000.000 đồng, trong đó bà Trần Thị S có tham gia chơi 01 phần. Trong quá trình chơi huê, đến

kỳ thứ 7 vào ngày 25.12.2017 bà S hốt huê, bà L có giao đủ số tiền 172.300.000 đồng cho bà S. Nhưng sau khi hốt huê, bà S không đóng huê chết, tổng cộng số tiền bà S phải trả là 140.000.000 đồng. Đến nay đây huê này đã mãn. Bà L có yêu cầu bà S trả tiền huê, nhưng bà không trả. Đến khoảng tháng 3 âm lịch, bà K – em ruột của bà S có trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng để trả tiền huê chết cho bà S. Vậy số tiền huê còn lại bà S phải trả cho bà L là 120.000.000 đồng. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu vợ chồng bị đơn cùng trả.

Bị đơn: Bà Trần Thị S trình bày:

Bà S có tham gia chơi huê do bà L làm thủ vào tháng 6.2017 âm lịch, huê tháng 10.000.000 đồng, có 21 người tham gia. Bà S hốt huê vào tháng 10.2017 âm lịch với số tiền 172.300.000 đồng, bà L có giao tiền cho bà là 36.000.000 đồng và bà L có ghi trong tờ giấy do bà S giữ nhưng bị thất lạc. Số tiền huê còn lại bà L giữ để đóng tiền huê chết cho bà. Bà S thừa nhận còn nợ tiền huê chết của bà Lê là 16.000.000 đồng. Việc tham gia chơi huê số tiền có được bà S dùng để trả tiền lãi cho khoản vay khác. Bà S chơi huê với bà L thì chồng bà S không biết cũng không tham gia, là nợ riêng của bà Sơn.

Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận nợ tiền huê chết của bà L số tiền 120.000.000 đồng, nhưng xin một nửa, chỉ trả một nửa là số tiền 60.000.000 đồng, mỗi tháng xin trả góp 2.000.000 đồng và thừa nhận số tiền hốt huê dùng vào chi phí gia đình nên là nợ chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Diệp Kim A trình bày:

Quá trình giải quyết, Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định cho ông Diệp Kim A, nhưng ông không chấp hành, tại phiên tòa ông A vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về thời hạn thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử là đúng theo quy định của pháp luật, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ lời khai của bị đơn trình bày không được nguyên đơn chấp nhận và tại phiên tòa bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ huê chết của nguyên đơn là 120.000.000 đồng, xin một nửa, chỉ trả một nửa là số tiền 60.000.000 đồng, nhưng nguyên đơn không đồng ý. Ngoài ra, bị đơn khai số tiền hốt huê dùng để trang trải chi phí trong gia đình. Vì vậy, buộc vợ chồng bị đơn cùng liên đới trả số tiền nợ huê cho nguyên đơn là 120.000.000 đồng. Về án phí: Vợ chồng bị đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ huê 120.000.000 đồng là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ huê 120.000.000 đồng. Như vậy, tranh chấp giữa các bên là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Tờ giấy huê, thể hiện: Chủ huê là bà L, đây huê xổ ngày 25.6.2017 (âm lịch), mần ngày 25.01.2019 (âm lịch), gồm 21 phần, huê tháng 10.000.000 đồng, hót chót 200.000.000 đồng, trong đó bà Trần Thị S có tham gia chơi 01 phần; Giấy nhận tiền ngày 18.01.2018, thể hiện: Bà Trần Thị S có nhận một phần huê hót lần thứ 7 với số tiền 172.300.000 đồng. Nguyên đơn khai đã giao đủ số tiền hót huê cho bà S, nhưng bà S không đóng tiền huê chết tổng cộng là 140.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng. Quá trình giải quyết, bà S thừa nhận có tham gia chơi một phần huê do bà L làm thủ và thừa nhận tiền hót huê là 172.300.000 đồng, nhưng bà L chỉ giao 36.000.000 đồng, số tiền còn lại bà L giữ để đóng huê chết và bà S xác nhận chỉ còn nợ huê bà L là 16.000.000 đồng, nhưng không được bà L thừa nhận và cũng không có chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa, bà S khai số tiền hót huê của bà L dùng vào việc chi phí trong gia đình và thừa nhận còn nợ huê chết của bà L số tiền 120.000.000 đồng xin một nửa, chỉ trả một nửa là số tiền 60.000.000 đồng, nhưng bà L không đồng ý và yêu cầu vợ chồng bà S cùng trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để chấp nhận, buộc bà Trần Thị S và ông Diệp Kim A cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000 đồng là phù hợp.

[5] Về lãi suất: Bà L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Lê theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 Bộ Luật dân sự 2015;

- Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Trần Thị S và ông Diệp Kim A cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

2. Án phí:

Bà Trần Thị S và ông Diệp Kim A phải chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022258 ngày 17.5.2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16.12.2019). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.L;
- Chi cục THADS.tx.L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

